

Số: **70/2021/QĐST-HNGĐ**

Nam Đàn, ngày 19 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021, giữa:

- Anh Trần Đình Ng, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm xx, xã NK, huyện Nam Đàn, Nghệ An.

- Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm xx, xã NK, huyện Nam Đàn, Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Đình N và chị Nguyễn Thị Huyền T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình N và chị Nguyễn Thị Huyền T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Đình N và chị Nguyễn Thị Huyền T thống nhất giao con chung Trần Thị Hi N, sinh ngày 16/01/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Trần Đình N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trang 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, kể từ tháng 11/2021 cho

đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Đình N và chị Nguyễn Thị Huyền T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Đình N chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004452 ngày 14/10/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Anh Trần Đình N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Chi Cục THADS H.Nam Đàn;
- UBND xã NK, huyện Nam Đàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Văn Phú